

Số: 809/TTr-UBND

Điện Biên, ngày 24 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về phê duyệt và thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2021, tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2021, tỉnh Điện Biên;

Sau khi báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021, với nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện và giải ngân vốn NSĐP năm 2021

1. Kết quả giao, phân bổ vốn NSĐP

- Tổng kế hoạch vốn NSĐP năm 2021 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 là **859.855 triệu đồng**, bao gồm: Vốn đầu tư trong cân đối NSĐP theo tiêu chí định mức 662.530 triệu đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 166.225 triệu đồng; vốn xổ số kiến thiết 30.000 triệu đồng; vốn đầu tư từ bội chi NSĐP 1.100 triệu đồng.

- Tổng số vốn NSĐP năm 2021 được UBND tỉnh phân bổ chi tiết là **859.855 triệu đồng**, bằng 100% số vốn HĐND tỉnh giao, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh quản lý là 680.972 triệu đồng (bao gồm cả vốn từ thu tiền sử dụng đất); Ngân sách cấp huyện quản lý là 178.883 triệu đồng.

2. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn NSĐP đến 31/01/2022

- Lũy kế thanh toán kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 đến 31/01/2022 là **820.791 triệu đồng, đạt 95,5%** so với kế hoạch vốn HĐND

tính giao và kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết của tỉnh. Tỷ lệ giải ngân đạt trên 95% cơ bản đảm bảo yêu cầu đề ra¹.

- Số vốn NSDP kế hoạch năm 2021 còn lại chưa giải ngân hết theo thời gian quy định là 39.064 triệu đồng.

II. Cơ sở, lý do đề xuất kéo dài thời gian giải ngân vốn NSDP năm 2021

1. Cơ sở pháp lý: Các dự án được phép kéo dài phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng). Qua rà soát có 03 dự án đảm bảo điều kiện được phép kéo dài gồm:

(1) Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên: Kế hoạch vốn giao 135.849 triệu đồng; số vốn đã giải ngân 121.541,008 triệu đồng; số vốn còn lại 14.307,992 triệu đồng.

(2) Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên: Kế hoạch vốn giao 70.668 triệu đồng; số vốn đã giải ngân 57.379,221 triệu đồng; số vốn còn lại 13.288,779 triệu đồng.

(3) Xây dựng điểm TĐC C13 dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên: Kế hoạch vốn giao 26.450 triệu đồng; số vốn đã giải ngân 22.536,414 triệu đồng; số vốn còn lại 3.913,586 triệu đồng.

2. Lý do đề xuất kéo dài thời gian giải ngân: Đối với 03 dự án Xây dựng các điểm tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi việc GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Điện Biên có thời gian thực hiện ngắn để kịp thời bố trí nơi ở mới cho người dân (thời gian thực hiện năm 2020-2021). Năm 2021 về cơ bản các dự án đã hoàn thành xong các hạng mục để đầu tư theo quyết định phê duyệt để bàn giao đất TĐC cho các hộ dân. Tuy nhiên, do khối lượng công việc và kế hoạch vốn năm 2021 được giao lớn, trong khi thời gian thực hiện ngắn nên chưa thể giải ngân hết kế hoạch vốn được giao năm 2021 cho các công việc còn lại như: Quyết toán chi phí đền bù, chi phí kiểm toán, thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành và một số chi phí khác. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho kéo dài thời gian giải ngân vốn NSDP năm 2021 của các dự án trên để thanh toán các chi phí còn lại của dự án và thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Luật đầu tư công.

III. Nội dung đề xuất kéo dài thời gian giải ngân vốn NSDP năm 2021

¹ Có 13/25 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSDP đạt 100% bao gồm: Huyện Tuần Giáo; Huyện Điện Biên Đông; Huyện Nậm Pồ; Huyện Tủa Chùa; Thị xã Mường Lay; Ban QLDA giao thông; Ban QLDA dân dụng CN; Sở Y tế; Sở Công thương; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Xây dựng; Trường Cao đẳng Y tế; Công an tỉnh.

- Có 07/25 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSDP đạt từ 95% đến dưới 100% bao gồm: Huyện Mường Nhé; Huyện Mường Chà; Huyện Mường Ảng; Ban QLDA các CT nông nghiệp; Sở Lao động TBXH; Sở Giáo dục ĐT; Trường CĐ sư phạm.

- Có 05/25 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSDP đạt dưới 95% bao gồm: TP Điện Biên Phủ; Huyện Điện Biên; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Sở Văn hóa TTDL; Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Tổng số vốn NSDP năm 2021 đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022 là 31.510,357 triệu đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch vốn NSDP năm 2021	Số vốn đã giải ngân theo quy định đến 31/01/2022	Số vốn NSDP năm 2021 đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			
	Tổng số		454.617	454.617	232.967	201.456,643	31.510,357
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	260.000	260.000	135.849	121.541,008	14.307,992
2	Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1083/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	147.992	147.992	70.668	57.379,221	13.288,779
3	Xây dựng điểm TĐC C13 dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	841/QĐ-UBND ngày 09/9/2019	46.625	46.625	26.450	22.536,414	3.913,586

III. Giải pháp xử lý đối với phần vốn không thực hiện kéo dài

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên rà soát, đối chiếu, tham mưu thu hồi số vốn ngân sách địa phương còn lại thuộc kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm phần vốn 30% phân cấp cho cấp huyện quản lý) và kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm 2021 đến hết niên độ không giải ngân hết là 21.437,61 triệu đồng (trong đó kế hoạch vốn năm 2021 là 7.553,58 triệu đồng; kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm 2021 là 13.884,04 triệu đồng) (có biểu chi tiết kèm theo) để ưu tiên phân bổ cho dự án còn thiếu vốn sau khi phê duyệt quyết toán, dự án, nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong kỳ kế hoạch, dự án chuyển tiếp sang kỳ kế hoạch sau theo quy định hiện hành.

Trên đây là nội dung Tờ trình kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh uỷ b/c;
- TT HĐND tỉnh b/c;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT; TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

Phụ biểu

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
ĐỀ NGHỊ THU HỒI DO CHƯA GIẢI NGÂN KHI HẾT THỜI HẠN THANH TOÁN

(Kèm theo Tờ trình số 809 /TTr-UBND ngày 24 /3/2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn			Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2022, riêng vốn kéo dài giải ngân đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân khi hết thời hạn thanh toán		
		Tổng số	Kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
	Tổng cộng (I+II)	196.136,083	45.690,958	150.445,1	174.698,472	31.806,923	142.891,548	21.437,611	13.884,035	7.553,577
I	Cấp tỉnh quản lý	100.370,230	43.905,105	56.465,125	81.090,192	31.497,091	49.593,101	19.280,038	12.408,015	6.872,024
I.1	Nguồn vốn XDCBTT	70.964,971	42.596,971	28.368	55.968,348	30.520,490	25.447,858	14.996,623	12.076,481	2.920,142
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ	1.800,0	-	1.800	1.692,228	-	1.692,228	107,772	-	107,772
2	Hồ chứa nước Ảng Cang	7.000	-	7.000	6.999,999	-	6.999,999	0,001	-	0,001
3	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	4.767,085	767,085	4.000	4.767,084	767,085	3.999,999	0,001	-	0,001
4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập, thẩm định, công bố Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2020 đến năm 2030	7.802,000	-	7.802	6.086,750	-	6.086,750	1.715,250	-	1.715,250
5	Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên	6.274,829	1.674,829	4.600	5.719,067	1.674,829	4.044,238	555,762	-	555,762
6	Nâng cấp, sửa chữa CSV, bổ sung trang thiết bị Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - LĐXH tỉnh	1.816,0	-	1.816	1.815,068	-	1.815,068	0,932	-	0,932
7	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ (lập nhiệm vụ quy hoạch)	150,0	-	150	-	-	-	150,0	-	150,0
8	Sửa chữa nhà khách, nhà ở, làm việc chỉ huy, nhà ăn, nhà bếp cơ quan bộ CHQS tỉnh	400,0	-	400	226,501	-	226,501	173,499	-	173,499
9	Trận địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh ĐB	400,0	-	400	214,074	-	214,074	185,926	-	185,926
10	Cải tạo, sửa chữa các công trình, di tích nhằm phục vụ lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng lịch sử ĐBP	400,0	-	400	369,0	-	369,0	31,0	-	31,0

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn			Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2022, riêng vốn kéo dài giải ngân đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân khi hết thời hạn thanh toán		
		Tổng số	Kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021
11	Hỗ trợ xây dựng nhà máy xử lý rác thải tại bãi Púng Mìn, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	797,964	797,964	-	531,568	531,568	-	266,396	266,396	-
12	Đường Tây Trang-Bản Pa Thơm	6.990,0	6.990,0	-	6.983,887	6.983,887	-	6,113	6,113	-
13	Đường nội thị huyện Điện Biên (GDII)	691,320	691,320	-	30,638	30,638	-	660,682	660,682	-
14	Trung tâm khuyến nông giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên	636,590	636,590	-	455,356	455,356	-	181,234	181,234	-
15	Đường vào nghĩa trang C1 giai đoạn II	58,839	58,839	-	2,380	2,380	-	56,459	56,459	-
16	Trụ sở xã Tênh Phong huyện Tuần Giáo	88,027	88,027	-	84,962	84,962	-	3,065	3,065	-
17	Trường THCS xã Quải Cang huyện Tuần Giáo	222,478	222,478	-	183,677	183,677	-	38,801	38,801	-
18	Trường Mầm non thị trấn Tuần Giáo	85,132	85,132	-	38,966	38,966	-	46,166	46,166	-
19	Trường MN Mùn Chung xã Mùn Chung	180,914	180,914	-	145,160	145,160	-	35,754	35,754	-
20	Trường THCS xã Chiềng Đông huyện Tuần Giáo	118,0	118,0	-	60,811	60,811	-	57,189	57,189	-
21	Trường Mầm Non Mường Mùn	343,224	343,224	-	27,792	27,792	-	315,432	315,432	-
22	Trạm y tế Phi Nhừ	112,136	112,136	-	33,366	33,366	-	78,770	78,770	-
23	Trạm y tế TT Mường Ảng	92,711	92,711	-	25,782	25,782	-	66,929	66,929	-
24	Cầu treo bản Mường Nhé, xã Mường Nhé	28,438	28,438	-	-	-	-	28,438	28,438	-
25	Trụ sở xã Leng Su Sìn	223,606	223,606	-	-	-	-	223,606	223,606	-
26	Trụ sở xã Nậm Kè	408,266	408,266	-	32,961	32,961	-	375,305	375,305	-
27	Đường Ngã Ba - Huổi Pinh xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	79,383	79,383	-	32,500	32,500	-	46,883	46,883	-
28	PKĐKKV Leng Su Sìn (Thành lập mới)	359,110	359,110	-	82,482	82,482	-	276,628	276,628	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn			Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2022, riêng vốn kéo dài giải ngân đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân khi hết thời hạn thanh toán		
		Tổng số	Kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021
29	Trường THCS xã Huổi Léch	538,582	538,582	-	53,147	53,147	-	485,435	485,435	-
30	Trụ sở xã Huổi Léch	289,426	289,426	-	30,640	30,640	-	258,786	258,786	-
31	Nhà nội trú, hiệu bộ, sân trường THCS trung tâm cụm xã Mường Toong	1,762	1,762	-	-	-	-	1,762	1,762	-
32	Nhà nội trú trường THCS Trung tâm cụm xã Nà Hỳ	7,031	7,031	-	-	-	-	7,031	7,031	-
33	Thủy lợi Huổi Khon xã Nậm Kè	59,572	59,572	-	16,776	16,776	-	42,796	42,796	-
34	Đường quốc lộ 4h đến bản chà lọi 1 và 2	448,479	448,479	-	36,804	36,804	-	411,675	411,675	-
35	Đường giao thông TT xã Hừa Ngải - bản Phua Di Tổng	2.827,017	2.827,017	-	1.550,936	1.550,936	-	1.276,081	1.276,081	-
36	Bãi xử lý rác thải huyện	2.933,441	2.933,441	-	1.817,978	1.817,978	-	1.115,463	1.115,463	-
37	Trường mầm non THCS xã Sín Chải (GĐI-GĐII)	155,358	155,358	-	-	-	-	155,358	155,358	-
38	Trường mầm non thị trấn Tòa Chùa	7,119	7,119	-	-	-	-	7,119	7,119	-
39	Trụ sở làm việc Phòng Văn hóa - Thông tin huyện	26,237	26,237	-	-	-	-	26,237	26,237	-
40	Trụ sở làm việc Công an xã Lay Nưa và Ban CHQS cấp xã thị xã Mường Lay	45,216	45,216	-	-	-	-	45,216	45,216	-
41	Hỗ trợ đầu tư công trình AD 05	417,083	417,083	-	-	-	-	417,083	417,083	-
42	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã - Công an xã (3 xã) huyện Nậm Pồ (mỗi xã 1.300 triệu đồng)	289,722	289,722	-	59,211	59,211	-	230,511	230,511	-
43	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã - Công an xã (3 xã: xã Nậm Kè, Leng Su Sín và Sín Thầu) huyện Mường Nhé	541,131	541,131	-	20,614	20,614	-	520,517	520,517	-
44	Sân nền giao thông thoát nước bản Si Vần, xã Pa Thơm	300,0	300,0	-	150,919	150,919	-	149,081	149,081	-
45	Sân nền giao thông, thoát nước bản Púng Bon, xã Pa Thơm	243,872	243,872	-	76,937	76,937	-	166,935	166,935	-
46	Sân nền, giao thông, thoát nước điểm dân cư Lả Chà, xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ	359,438	359,438	-	-	-	-	359,438	359,438	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn			Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2022, riêng vốn kéo dài giải ngân đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân khi hết thời hạn thanh toán		
		Tổng số	Kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021
47	Nước sinh hoạt bản Lả Chà, xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ	620,538	620,538	-	-	-	-	620,538	620,538	-
48	Nước sinh hoạt bản Púng Bon, xã Pa Thơm, huyện Điện Biên	122,617	122,617	-	40,875	40,875	-	81,742	81,742	-
49	Nước sinh hoạt bản Nậm Kè, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	154,971	154,971	-	-	-	-	154,971	154,971	-
50	Thủy lợi bản Lả Chà	101,939	101,939	-	-	-	-	101,939	101,939	-
51	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND tỉnh	158,097	158,097	-	157,267	157,267	-	0,830	0,830	-
52	Nhà Ký túc xá học viên và Các hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh	453,459	453,459	-	-	-	-	453,459	453,459	-
53	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Công trình Sân vận động tỉnh	817,385	817,385	-	676,710	676,710	-	140,675	140,675	-
54	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CD Y tế Điện Biên.	30,816	30,816	-	29,947	29,947	-	0,869	0,869	-
55	Nâng cấp, sửa chữa CSV, bổ sung trang thiết bị Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - LDDXH tỉnh	26,187	26,187	-	-	-	-	26,187	26,187	-
56	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng	10.234,250	10.234,250	-	9.698,958	9.698,958	-	535,291	535,291	-
57	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu xã Thanh Nưa	2.922,552	2.922,552	-	2.802,757	2.802,757	-	119,795	119,795	-
58	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - dự án: cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	110,223	110,223	-	-	-	-	110,223	110,223	-
59	Dự án đường từ Hồng Sọt - Pá Sảng, xã Búng Lao	2.184,713	2.184,713	-	2.026,835	2.026,835	-	157,878	157,878	-
60	Dự án đường điện vào khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	500,069	500,069	-	27,266	27,266	-	472,803	472,803	-
61	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Nà Bùng huyện Nậm Pồ	110,614	110,614	-	51,710	51,710	-	58,904	58,904	-
62	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	200,0	200,0	-	-	-	-	200,0	200,0	-
63	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	200,0	200,0	-	-	-	-	200,0	200,0	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn			Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2022, riêng vốn kéo dài giải ngân đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân khi hết thời hạn thanh toán		
		Tổng số	Kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021
64	Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Điện Biên	200,0	200,0	-	-	-	-	200,0	200,0	-
I.2	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết	19.008,716	326,716	18.682,000	15.665,566	230,573	15.434,993	3.343,150	96,143	3.247,007
1	Trường phổ thông DTBT THCS Tênh Phong	2.083,0	-	2.083	2.082,328	-	2.082,328	0,672	-	0,672
2	Trường phổ thông DTBT THCS Tả Phìn	247,0	-	247	246,865	-	246,865	0,135	-	0,135
3	PTDTBT THCS Nậm Nhừ	2.273,0	-	2.273	2.261,387	-	2.261,387	11,613	-	11,613
4	Nhà Đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THPT Mường Ảng	2.293,0	-	2.293	2.292,041	-	2.292,041	0,959	-	0,959
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Thanh Nưa huyện Điện Biên	1.878,0	-	1.878	1.877,342	-	1.877,342	0,658	-	0,658
6	Các hạng mục phụ trợ trường THCS và THPT Quài Tở	2.620,0	-	2.620	2.613,550	-	2.613,550	6,450	-	6,450
7	XD Phòng học và Hội trường Trường CD Sư phạm	3.955,0	-	3.955	3.876,303	-	3.876,303	78,697	-	78,697
8	Trường THPT Lương Thế Vinh	333,0	-	333	185,177	-	185,177	147,823	-	147,823
9	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới (huyện Điện Biên)	3.000,0	-	3.000	-	-	-	3.000,0	-	3.000,0
10	Trạm y tế Mùn Chung - Tuần Giáo	43,218	43,218	-	24,862	24,862	-	18,356	18,356	-
11	Trường Mầm non An Bình, xã Mường Mùn	237,390	237,390	-	186,281	186,281	-	51,109	51,109	-
12	Trạm y tế Phường Tân Thanh	46,109	46,109	-	19,430	19,430	-	26,679	26,679	-
I.3	Vốn dự phòng NSDP năm 2020	942,595	942,595	-	707,204	707,204	-	235,391	235,391	-
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước bản Ban, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	417,634	417,634	-	267,565	267,565	-	150,069	150,069	-
2	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Hồng Sặt, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	216,852	216,852	-	176,388	176,388	-	40,464	40,464	-
3	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Sái Lương, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	221,340	221,340	-	182,874	182,874	-	38,466	38,466	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn			Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2022, riêng vốn kéo dài giải ngân đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân khi hết thời hạn thanh toán		
		Tổng số	Kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021	Tổng số	Kế hoạch kéo dài	Kế hoạch giao trong năm 2021
4	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Bò Hóng, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	86,769	86,769	-	80,377	80,377	-	6,392	6,392	-
I.4	Vốn địa phương vay lại nguồn nước ngoài	9.453,949	38,824	9.415,125	8.749,074	38,824	8.710,251	704,874	-	704,874
1	Chương trình Đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Điện Biên Phủ	7.068,824	38,824	7.030	6.842,510	38,824	6.803,686	226,314	-	226,314
2	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	2.385,125		2.385,125	1.906,564		1.906,564	478,561		478,561
II	Cấp huyện quản lý	95.765,853	1.785,853	93.980,000	93.608,280	309,833	93.298,447	2.157,573	1.476,020	681,553
1	Thành phố Điện Biên Phủ	20.753,853	1.785,853	18.968	19.277,833	309,833	18.968,000	1.476,020	1.476,020	-
2	Huyện Điện Biên	23.082	-	23.082	22.804,999	-	22.804,999	277,00	-	277,00
3	Huyện Mường Ảng	14.636	-	14.636	14.381,630	-	14.381,630	254,37	-	254,37
4	Huyện Mường Nhé	19.007	-	19.007	18.897,853	-	18.897,853	109,15	-	109,15
5	Huyện Mường Chà	18.287	-	18.287	18.245,965	-	18.245,965	41,03	-	41,03